

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN

Số: 686/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 27 tháng 3 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức  
trong cơ quan, tổ chức hành chính tỉnh Nghệ An**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Nghệ An;

Theo đề nghị của Văn phòng UBND tỉnh tại Tờ trình số 243/TTr-VPUB ngày 28/02/2024 và Sở Nội vụ tại Tờ trình số 108/TTr-SNV ngày 23/3/2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt danh mục vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Lãnh đạo và Văn phòng UBND tỉnh như sau:

- Danh mục vị trí việc làm: 29 vị trí (có phụ lục kèm theo), trong đó:
  - Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 10 vị trí;

- Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành: 06 vị trí;
- Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 09 vị trí;
- Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 04 vị trí.

2. Cơ cấu ngạch công chức vị trí việc làm nghiệp vụ:

- Chuyên viên chính và tương đương chiếm 38,6%;
- Chuyên viên và tương đương chiếm 61,4%.

**Điều 2.** Giao Văn phòng UBND tỉnh căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập và các Thông tư có liên quan để tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Bản mô tả công việc của các vị trí việc làm Lãnh đạo UBND tỉnh và ban hành Bản mô tả công việc cho từng vị trí việc làm của Văn phòng UBND tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phó CVP (KT) UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (Hùng).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Hồng Vinh**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC VÀ MÃ VỊ TRÍ VIỆC LÀM**  
**CỦA LÃNH ĐẠO VÀ VĂN PHÒNG UBND TỈNH NGHỆ AN**

(Kèm theo Quyết định số 686 /QĐ-UBND ngày 27 /3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên vị trí việc làm	Mã vị trí việc làm
<b>A</b>	<b>Lãnh đạo UBND tỉnh</b>	
01	Chủ tịch UBND tỉnh	NA-UBND-LĐ.01
02	Phó Chủ tịch UBND tỉnh	NA-UBND-LĐ.02
<b>B</b>	<b>Văn phòng UBND tỉnh</b>	
<b>I</b>	<b>Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý</b>	
01	Chánh Văn phòng	NA-UBND-I.01
02	Phó Chánh Văn phòng	NA-UBND-I.02
03	Trưởng Ban Tiếp công dân	NA-UBND-I.03
04	Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công	NA-UBND-I.04
05	Trưởng phòng	NA-UBND-I.05
06	Phó Trưởng Ban Tiếp công dân	NA-UBND-I.06
07	Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công	NA-UBND-I.07
08	Phó Trưởng phòng	NA-UBND-I.08
<b>II</b>	<b>Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành</b>	
01	Chuyên viên chính tham mưu tổng hợp về chuyên ngành	NA-UBND-II.01
02	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành	NA-UBND-II.02
03	Chuyên viên chính về kiểm soát thủ tục hành chính	NA-UBND-II.03
04	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính	NA-UBND-II.04
05	Chuyên viên chính về tiếp công dân và xử lý đơn	NA-UBND-II.05
06	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn	NA-UBND-II.06
<b>III</b>	<b>Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung</b>	
01	Chuyên viên Hành chính - Văn phòng	NA-UBND-III.01
02	Chuyên viên Quản trị công sở	NA-UBND-III.02
03	Văn thư viên chính	NA-UBND-III.03
04	Văn thư viên	NA-UBND-III.04
05	Chuyên viên chính về lưu trữ	NA-UBND-III.05
06	Chuyên viên về lưu trữ	NA-UBND-III.06
07	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán).	NA-UBND-III.07
08	Kế toán	NA-UBND-III.08
09	Chuyên viên thủ quỹ	NA-UBND-III.09
<b>IV</b>	<b>Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ</b>	
01	Nhân viên kỹ thuật	NA-UBND-IV.01
02	Nhân viên Phục vụ	NA-UBND-IV.02
03	Nhân viên Bảo vệ	NA-UBND-IV.03
04	Nhân viên lái xe	NA-UBND-IV.04
	<b>Tổng vị trí việc làm</b>	<b>29</b>

**UBND TỈNH NGHỆ AN**

